

Bản án số: 508/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Trần Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Vân

2. Ông Nguyễn Thanh Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Lê Hoàng N, sinh năm 1988; địa chỉ: xxx/xxx đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đồng Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: xxx/xxx đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2020, các bản tự khai và biên bản hòa giải, bà Nguyễn Lê Hoàng N trình bày như sau:

Bà Nguyễn Lê Hoàng N và ông Đồng Thanh H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01-2008 do Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2008. Vợ chồng có 01 con chung tên Đồng Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày

11/01/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn do không phù hợp tính tình, vợ chồng không thể nói chuyện với nhau, ông H thường xuyên chửi bới xúc phạm bà N. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay bà N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn vì vậy bà yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với ông Đồng Thanh H.

Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/8/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Lê Hoàng N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đồng Thanh H không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Nguyễn Lê Hoàng N.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Đồng Thanh H, sinh năm 1982, đăng ký thường trú tại xxx/xxx đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11 từ ngày 11/4/2018 đến nay. Hiện đang thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai đối với bị đơn và không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các bên. Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

a) Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

b) Bị đơn đã được Tòa án nhân dân Quận 11 triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt, không có lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

a) Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt công khai, hợp lệ đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo đúng thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

b) Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Lê Hoàng N;
- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà N, giao trẻ Đồng Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 11/01/2006 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Lê Hoàng N và ông Đồng Thanh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H, hai bên đương sự cư trú tại Quận 11 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 13/8/2020 nguyên đơn là bà Nguyễn Lê Hoàng N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn là ông Đồng Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Lê Hoàng N và ông Đồng Thanh H tự tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn do không phù hợp tính tình, vợ chồng không thể nói chuyện với nhau, ông H thường xuyên chửi bới xúc phạm bà N. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay.

Bị đơn ông H mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 11 tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đầy đủ và hợp lệ nhưng không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu

của bà N. Điều này cho thấy rằng ông H không mong muốn và không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì hôn nhân cũng chỉ là hình thức.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

b) Về con chung: Bà Nguyễn Lê Hoàng N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đồng Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 11/01/2006 và theo tờ trình bày nguyện vọng thì trẻ Q có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của bà N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung kèm theo toàn bộ tài liệu chứng cứ bà N đã cung cấp cho Tòa án. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt cho ông H nội dung biên bản phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông H không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa hôm nay ông H cũng không có mặt để trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu của bà N và nguyện vọng của trẻ Q xem xét chấp nhận yêu cầu của bà N được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn.

Việc bà N không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

d) Về án phí: Bà Nguyễn Lê Hoàng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 82, Điều 84, Điều 111, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Lê Hoàng N.

Bà Nguyễn Lê Hoàng N được ly hôn với ông Đồng Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01-2008 do Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2008 không còn giá trị.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Lê Hoàng N được trực tiếp chăm sóc giáo dục trẻ Đồng Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 11/01/2006.

Ông Đồng Thanh H không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Lê Hoàng N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0015450 ngày 23/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Lê Hoàng N và ông Đồng Thanh H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND Phường 03, Quận 5, Tp. Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Trần Ngọc Phương